TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2025/DS-ST
Ngày 10 - **7** - 2025
V/v *"Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Anh Đào**.

Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Xuân Tùng** và ông **Nguyễn Văn Sanh.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Trâm** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1– Đà Nẵng Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông **Lê Nguyên Lương** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2025/TLST-DS ngày 06.3.2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXXST-DS ngày 27.5.2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2025/QĐST-DS ngày 13.6.2025, giữa:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP B.

Trụ sở: *** Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bàn Cờ (phường 05, quận 3 cũ), TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, địa chỉ: ***- *** Nguyễn Văn Linh, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng; Bà Huỳnh Thị Kim A, địa chỉ: *** - *** đường 2 tháng 9, phường Hải Châu, TP Đà Nẵng (*Theo Quyết định v/v ủy quyền số 846/2023/BVBank/UQ-QL&THN ngày 14.12.2023 và Giấy ủy quyền số 99/25/BVBank/UQ-QL& THN ngày 06.02.2025).*

(Ông Nguyễn Văn T có mặt)

*** Bị đơn:** Ông Lê Toàn H - sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Tổ ***, phường Hòa Cường (phường Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu cũ), Thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06.02.2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP B trình bày:

Ngày 04.5.2021, ông Lê Toàn H có ký với Ngân hàng TMCP B (sau đây gọi là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Lê Toàn H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng có hạn mức sử dụng là 46.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất trong hạn 35%/năm (2,92%/tháng), lãi suất quá hạn 52,5%/năm (bằng 150% lãi suất trong hạn).

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Lê Toàn H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 550.983.574 đồng. Trong quá trình sử dụng, ông Lê Toàn H đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 512.499.000 đồng (bao gồm phí, lãi và gốc) sau đó không thanh toán nữa. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Lê Toàn H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Lê Toàn H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 18.4.2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 10.7.2025, ông Lê Toàn H còn nợ Ngân hàng số tiền là 93.671.222 đồng (dư nợ gốc là 43.150.118 đồng, tiền lãi quá hạn là 50.521.104 đồng). Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Toàn H phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ như đã nêu trên và phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11.7.2025 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng.

Ông Lê Toàn H đã được Tòa án thực hiện thủ tục thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B và không đến Tòa án để giải quyết vụ việc.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Lê Toàn H đã được triệu tập để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Các đương sự đã được đảm bảo các quyền và thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B. Buộc ông Lê Toàn H phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền tổng cộng là 93.671.222 đồng. Trong đó, dư nợ gốc là 43.150.118 đồng, tiền lãi quá hạn là 50.521.104 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu ông Lê Toàn H thanh toán nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định

tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Ông Lê Toàn H cư trú tại địa chỉ tổ *** phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng (nay là phường Hòa Cường, TP Đà Nẵng). Căn cứ vào khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là ông Lê Toàn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về việc xác lập hợp đồng: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng) mà ông Lê Toàn H ký với Ngân hàng TMCP B ngày 04.5.2021 thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự theo quy định tại các Điều 117, 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia ký kết.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán: Mặc dù ông Lê Toàn H vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng TMCP B cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà ông Lê Toàn H ký với Ngân hàng với mục đích tiêu dùng có hạn mức 46.000.000 đồng; lãi suất 35%/năm; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tương ứng 52.50%/năm; thời hạn thanh toán, số tiền thanh toán được thực hiện theo thông báo hàng tháng của Ngân hàng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Lê Toàn H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 550.983.574 đồng và đã thanh toán được số tiền phí, lãi, gốc tổng cộng là 512.499.000 đồng. Do ông Lê Toàn H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP B đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn kể từ ngày 18.4.2023 là đúng với quy định tại Điều 16 của Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng. Tính đến ngày 10.7.2025, ông Lê Toàn H còn nợ Ngân hàng TMCP B số tiền là 93.671.222 đồng. Trong đó, dư nợ gốc là 43.150.118 đồng, tiền lãi quá hạn là 50.521.104 đồng.

Căn cứ vào thỏa thuận của các bên tại Điều 10 và 11 của Điều khoản, điều kiện sử dụng thẻ tín dụng thì ông Lê Toàn H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Việc Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu ông Lê Toàn H phải thanh toán nợ là phù hợp với quy định tại Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 và Điều 280, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự 2015 cần được chấp nhận. Do đó, buộc ông Lê Toàn H phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền tính đến ngày 10.7.2025 là 93.671.222 đồng như đã nêu trên và phải tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày 11.7.2025 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 04.5.2021.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP B được chấp nhận nên ông Lê Toàn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đồng. Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 269 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Căn cứ vào Điều 100, 103 và 209 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

- Căn cứ vào Điều 280, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với ông Lê Toàn H.

Xử:

1. Buộc ông Lê Toàn H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP B số tiền tính đến ngày 10.7.2025 là 93.671.222 đồng. Trong đó, dư nợ gốc là 43.150.118 đồng, tiền lãi quá hạn là 50.521.104 đồng.

Kể từ ngày 11.7.2025, ông Lê Toàn H còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 04.5.2021 cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Lê Toàn H phải chịu là 4.683.561 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B 2.099.726 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0005225 ngày 27.02.2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV 1 – Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Anh Đào